

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: **41/2023/HS-PT**
Ngày 19 tháng 7 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH P**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Vũ
Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Toàn
Ông Hoàng T Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa: Ông Vũ Công Thuận- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2022/TLPT-HS ngày 05 tháng 6 năm 2023 do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị A đối với bản án hình sơ thẩm số 27/2023/HSST ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh P.

Bị cáo kháng cáo: Nguyễn Thị A; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 18/10/1965 tại huyện L, tỉnh P; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 1, xã C, huyện L, tỉnh P; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Nguyễn Trọng V, đã chết; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị D, đã chết; Anh, chị em ruột: Gia đình có 05 người, bị cáo là con thứ 5; Chồng: Hồ Ngọc B, sinh năm 1964, hiện cư trú tại khu 1, xã C, huyện L, tỉnh P; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân: Bản án số 27/2019/HS – ST ngày 15/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện L xử phạt 25.000.000 đồng về tội ĐA BẠC. Đã chấp hành nộp phạt ngày 09/9/2020, các quyết định khác của bản án đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/12/2022 đến ngày 03/01/2023, hiện bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã C, huyện L, tỉnh P. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị A, sinh năm 1965 trú tại khu 1, xã C, huyện L là lao động tự do. Do tuổi không còn trẻ, sức khỏe kém không lao động nặng được lại hám lời nên A nảy sinh ý định bán số lô, số đề cho khách chơi tại nhà ở gia đình để kiếm thêm thu nhập. A bắt đầu bán số lô, số đề cho khách vào ngày 23/12/2022. A thỏa thuận với khách cách thức mua, bán số lô, số đề, đối chiếu xác định tỷ lệ trúng thưởng như sau:

Khi mua số lô, số đề, người mua tự lựa chọn mua các loại số lô, số đề sau:

“Số đề”: là cặp số gồm 2 số tự nhiên bất kỳ từ 0 đến 9 (cặp số từ 00 đến 99). Số đề trúng thưởng là số đề trùng với 02 số cuối của giải đặc biệt.

“Đầu”: là một số từ nhiên bất kỳ từ 0 đến 9 đứng đầu cặp số đề. Đầu số trúng thưởng là đầu số trùng với số thứ 4 của giải đặc biệt.

“Đít”: là số tự nhiên bất kỳ từ 0 đến 9 đứng cuối cặp số đề. Đít số trúng thưởng là đít số trùng với chữ số cuối cùng của giải đặc biệt

“Ba càng”: là cặp số gồm 03 số tự nhiên bất kỳ từ 0 đến 9 (cặp số từ 000 đến 999). Cặp số trúng thưởng trùng với 03 số cuối của giải đặc biệt.

“Dây”: là 01 dãy số đề, gồm 08 cặp số đề, dạng AB, BA, (A+5)(B+5), (B+5)(A+5), A(B+5), (A+5)B, B(A+5), (B+5)A; trường hợp các tổng A+5, B+5 lớn hơn 9 thì lấy chữ số tự nhiên của tổng. Nếu có cặp số nào trong dây trùng với 02 số cuối của giải đặc biệt thì cặp số của dây đó trúng thưởng.

“Tổng”: là cặp số đề tự nhiên bất kỳ mà tổng của 02 số tự nhiên đó có chữ số hàng đơn vị là tổng người chơi muốn mua.

“Số lô”: là cặp gồm 2 số tự nhiên bất kỳ từ 0 đến 9 (cặp số từ 00 đến 99). Số lô trúng thưởng là số lô trùng với 02 số cuối của tất cả các giải thưởng. Kết quả số lô, số đề trúng thưởng được đối chiếu với kết quả xổ số.

Kết quả số lô, số đề trúng thưởng được đối chiếu với kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng cùng ngày. Tỷ lệ trúng thưởng đối với số đề 2 chữ số bằng 70 lần tiền mua số trúng thưởng, Ba càng bằng 350 lần tiền mua số trúng thưởng. Tiền mua số lô tính bằng điểm: mua 1 điểm lô mức 20.000 đồng; tỷ lệ trúng thưởng số lô là 70.000 đồng/1 điểm. Đối với tiền mua số đề, A sẽ bớt cho khách mua 20% số tiền mua số đề.

Khoảng 17 giờ ngày 25/12/2022, Bùi Phú T, sinh ngày 29/01/2006 trú tại khu 4, xã T, thành phố V đến nhà gặp A tại gian phòng khách tầng 1 nhà ở gia đình, Bùi Phú T hỏi mua của A 05 số lô bao gồm 98, 89, 05, 50, 35 mỗi số 30 điểm, tổng cộng 150 điểm lô tương đương với số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), và số đề 99 với mức 120.000 đồng. Bùi Phú T đã viết sẵn từ nhà các số lô, đề này vào 02 mảnh giấy (gọi là cặp đề) và đưa cho A xem. Sau khi xem 02 cặp lô đề này thấy đúng, A giữ lại

01 cặp và đưa cho Bùi Phú T 01 cặp để đối chiếu khi lấy tiền trúng thưởng. Tổng số tiền Bùi Phú T mua số lô số đề của A là 3.120.000 đồng (ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng). Do A bớt cho Phú T 20.000 đồng tiền mua số đề nên Phú T đã trả cho A 3.100.000 đồng (ba triệu một trăm nghìn đồng). Cùng lúc này, Nguyễn Văn T, sinh ngày 12/9/2006 trú tại khu 4, xã T, thành phố V đến gặp và hỏi mua của Nguyễn Thị A 05 số lô bao gồm 32, 23, 56, 65, 33 mỗi số 20 điểm, tổng cộng 100 điểm lô tương ứng với số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) và các số đề 36, 63 mỗi số mua mức 100.000 đồng. Nguyễn Văn T đã viết sẵn từ nhà các số lô, đề này vào 02 mảnh giấy (gọi là cặp đề) và đưa cho A xem. Sau khi xem 02 cặp lô đề này thấy đúng, A giữ lại 01 cặp và đưa cho Nguyễn Văn T 01 cặp để đối chiếu khi lấy tiền trúng thưởng. A giảm cho Văn T 40.000 đồng tiền mua số đề nên T dùng số tiền này mua thêm số đề 53, A sử dụng bút vỏ nhựa mực nước màu đen ghi thêm số đề 53 vào cặp lô đề của Văn T mua và giữ lại cặp đề này. Tổng số tiền Nguyễn Văn T mua số lô số đề của A là 2.240.000 đồng (hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng). Do A bớt cho Văn T 40.000 đồng tiền mua số đề nên Văn T đã trả cho A 2.200.000 đồng (hai triệu hai trăm nghìn đồng). Hồi 17 giờ 15 phút, khi A vừa nhận tiền của Văn T xong thì bị tổ công tác của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện L kiểm tra, phát hiện. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Thị A, thu giữ vật chứng bao gồm: trên tay của Nguyễn Văn T thu giữ 01 mảnh giấy kích thước 12x6cm, một mặt in hoa văn, một mặt có các chữ số bằng mực màu xanh, đen; trên tay của Bùi Phú T thu 01 mảnh giấy kích thước 12x6cm, một mặt in hoa văn, một mặt có ghi các chữ số bằng mực màu đen (là cặp đề của Phú T và Văn T); tại vị trí ngồi của Nguyễn Thị A thu 02 mảnh giấy kích thước 12x6cm, một mặt in hoa văn, một mặt có ghi các chữ, số (là cặp đề ghi các số lô, số đề Văn T, Phú T mua của A, A giữ lại để đối chiếu khi trúng thưởng), số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), 01 bút mực nước màu đen, vỏ bằng nhựa.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 27/2023/HSST ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh P đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị A phạm tội “ĐA BẠC”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị A 08 (Tám) tháng tù, được khấu trừ 09 ngày tạm giữ từ ngày 25/12/2022 đến 03/01/2023. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/5/2023, bị cáo có đơn kháng cáo xin được cải tạo ngoài xã hội để chữa bệnh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, bị cáo cung cấp tài liệu chứng cứ mới là Phiếu thu ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa xã C, huyện L

năm 2023 số tiền là 3.000.000 đồng; hồ sơ khám chữa bệnh về xương khớp, tiểu đường và u tuyến giáp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2023/HSST ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh P theo hướng cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm bị cáo đều khai nhận đã có hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng vụ án, lời khai của những người liên quan...

Do đó có đủ cơ sở khẳng định: Ngày 25/12/2022, tại nhà ở gia đình thuộc khu 1, xã C, huyện L, Nguyễn Thị A đã có hành vi đA bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bán số lô, số đề, bị bắt quả tang hồi 17 giờ 15 phút cùng ngày khi A vừa bán số lô, số đề cho Nguyễn Văn T và Bùi Phú T. Tổng số tiền Nguyễn Thị A đã bán số lô, số đề trong ngày 25/12/2022 là 5.360.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh P xét xử về tội “ĐA bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, hành vi phạm tội ở mức độ ít nghiêm trọng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình thêm tình tiết mới là Phiếu thu ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa xã C, huyện L năm 2023 số tiền là 3.000.000 đồng. Bị cáo đang bị bệnh cần phải điều trị.

Hội đồng xét xử chấp nhận là tình tiết mới theo khoản 2 Điều 51 BLHS.

Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có nơi cư trú ổn định, việc phạt tù giam đối với bị cáo là không cần thiết nên cần sửa án sơ thẩm cho bị cáo được hưởng hình phạt tù cho hưởng án treo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ điều kiện để giáo dục các bị cáo.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị A. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2023/HSST ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh P.

[2] Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị A 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đa bạc”. Thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh P giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

[3] Về án phí: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- VKSND tỉnh P;
- TAND huyện L;
- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu HS; Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Vũ

